**Mẫu số 33 -Phụ lục 2. Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… | | | X(m) | Y(m) | | Khu vực tiếp tục thăm dò | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: ... ha | | | | Khu vực trả lại | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: ... ha | | |   Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ**  (tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….  (Kèm theo Quyết định số......./QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường)  Nền địa hình  Ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò và phần diện tích còn lại tiếp tục thăm dò   |  |  | | --- | --- | | Người thành lập  Tỷ lệ:…..  (Ký, họ tên) | Tổ chức, cá nhân thành lập  (Ký, đóng dấu) |   “Được trích lục từ tờ bản đồ  địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,  múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |